



Phụ lục 1

**BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THU QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025**

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu Kế hoạch thu Quỹ PCTT năm 2025 (theo QĐ số 1817/QĐ-UBND ngày 12/12/2025)	Trong đó		Tổng số tiền đơn vị, địa phương đã thu Quỹ PCTT năm 2025	Trong đó		Tỷ lệ thu đạt	Trong đó	
			Cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang hưởng lương	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn		Cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang hưởng lương	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn		Cơ quan nhà nước, LL vũ trang hưởng lương	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn
1	Công an Tỉnh	240.000.000	240.000.000		257.950.000	257.950.000		107,5%	107,5%	0,0%
2	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	141.922.750	141.922.750		140.851.150	140.851.150		99,2%	99,2%	0,0%
3	Xã Tịnh Khê	140.792.256	68.723.120	72.069.136	152.639.258	140.323.629	12.315.629	108,4%	204,2%	17,1%
4	Xã An Phú	266.183.000	131.798.000	134.385.000	29.872.000	24.742.000	5.130.000	11,2%	18,8%	3,8%
5	Xã Nguyễn Nghiêm	71.720.815	11.826.000	59.894.815	32.657.672	8.703.000	23.954.672	45,5%	73,6%	40,0%
6	Xã Khánh Cường	114.486.000	45.768.000	68.718.000	28.592.000	28.592.000		25,0%	62,5%	0,0%
7	Xã Bình Minh	74.327.057	67.526.000	6.801.057	59.452.500	59.452.500		80,0%	88,0%	0,0%
8	Xã Bình Chương	44.163.478	32.502.000	11.661.478	32.765.830	32.765.830		74,2%	100,8%	0,0%
9	Xã Bình Sơn	1.230.402.500	281.422.000	948.980.500	428.237.000	224.520.000	203.717.000	34,8%	79,8%	21,5%
10	Xã Vạn Tường	1.843.193.791	177.374.000	1.665.819.791	666.740.632	145.324.000	521.416.632	36,2%	81,9%	31,3%
11	Xã Đông Sơn	279.624.000	145.204.000	134.420.000	212.769.000	177.618.000	35.151.000	76,1%	122,3%	26,2%
12	Xã Trường Giang	83.501.000	54.506.000	28.995.000	60.722.000	60.722.000		72,7%	111,4%	0,0%
13	Xã Ba Gia	105.635.972	75.570.972	30.065.000	54.079.496	50.539.496	3.540.000	51,2%	66,9%	11,8%
14	Xã Sơn Tịnh	217.303.000	69.654.000	147.649.000	100.613.000	100.613.000		46,3%	144,4%	0,0%
15	Xã Thọ Phong	4.004.382.000	80.634.000	3.923.748.000	814.520.000	17.870.000	796.650.000	20,3%	22,2%	20,3%
16	Xã Tư Nghĩa	662.051.000	270.953.000	391.098.000	203.897.900	37.760.000	166.137.900	30,8%	13,9%	42,5%
17	Xã Vệ Giang	109.272.000	24.570.000	84.702.000	109.272.000	24.570.000	84.702.000	100,0%	100,0%	100,0%
18	Xã Nghĩa Giang	165.456.673	20.250.000	145.206.673	39.931.200	19.260.000	20.671.200	24,1%	95,1%	14,2%
19	Xã Trà Giang	30.435.180	14.451.180	15.984.000	55.713.000	53.178.000	2.535.000	183,1%	368,0%	15,9%
20	Xã Nghĩa Hành	213.911.248	28.890.000	185.021.248	148.310.186	50.745.795	97.564.391	69,3%	175,7%	52,7%
21	Xã Đình Cương	59.311.701	21.222.000	38.089.701	45.095.692	38.274.000	6.821.692	76,0%	180,4%	17,9%
22	Xã Thiện Tín	34.697.257	25.218.000	9.479.257	44.037.020	41.996.000	2.041.020	126,9%	166,5%	21,5%

23	Xã Phước Giang	23.977.988	17.928.000	6.049.988	34.119.000	32.382.000	1.737.000	142,3%	180,6%	28,7%
24	Xã Long Phụng	74.493.844	64.458.000	10.035.844	111.716.742	107.629.000	4.087.742	150,0%	167,0%	40,7%
25	Xã Mỏ Cày	116.229.000	95.040.000	21.189.000	76.027.000	67.314.000	8.713.000	65,4%	70,8%	41,1%
26	Xã Mộ Đức	178.476.457	138.524.000	39.952.457	144.688.999	138.493.099	6.195.900	81,1%	100,0%	15,5%
27	Xã Lân Phong	137.001.027	18.576.000	118.425.027	44.526.636	44.526.636		32,5%	239,7%	0,0%
28	Xã Trà Bồng	213.815.618	39.046.000	174.769.618	142.476.978	42.512.000	99.964.978	66,6%	108,9%	57,2%
29	Xã Đông Trà Bồng	36.212.000	22.976.000	13.236.000	22.730.000	22.730.000		62,8%	98,9%	0,0%
30	Xã Tây Trà	7.290.000	7.290.000		7.290.000	7.290.000		100,0%	100,0%	0,0%
31	Xã Thanh Bồng	10.044.000	10.044.000					0,0%	0,0%	0,0%
32	Xã Cà Đam	9.180.000	9.180.000		8.244.000	8.244.000		89,8%	89,8%	0,0%
33	Xã Tây Trà Bồng	7.992.000	7.992.000					0,0%	0,0%	0,0%
34	Xã Sơn Hạ	168.541.000	20.304.000	148.237.000	87.167.000	14.752.000	72.415.000	51,7%	72,7%	48,9%
35	Xã Sơn Linh	63.043.000	13.758.000	49.285.000	43.760.000	13.488.000	30.272.000	69,4%	98,0%	61,4%
36	Xã Sơn Hà	147.116.000	38.286.000	108.830.000	67.605.000	30.623.000	36.982.000	46,0%	80,0%	34,0%
37	Xã Sơn Thủy	15.386.000	12.834.000	2.552.000	16.247.000	13.975.000	2.272.000	105,6%	108,9%	89,0%
38	Xã Sơn Kỳ	14.838.000	13.338.000	1.500.000	13.926.389	13.926.389		93,9%	104,4%	0,0%
39	Xã Sơn Tây	136.438.334	24.570.000	111.868.334	125.425.386	23.814.093	101.611.293	91,9%	96,9%	90,8%
40	Xã Sơn Tây Thượng	22.725.247	15.930.000	6.795.247	20.026.247	13.231.000	6.795.247	88,1%	83,1%	100,0%
41	Xã Sơn Tây Hạ	58.316.395	5.589.000	52.727.395	41.337.000	10.962.000	30.375.000	70,9%	196,1%	57,6%
42	Xã Minh Long	50.537.000	19.170.000	31.367.000	39.154.000	19.170.000	19.984.000	77,5%	100,0%	63,7%
43	Xã Sơn Mai	41.520.000	15.228.000	26.292.000	0			0,0%	0,0%	0,0%
44	Xã Ba Vì	47.624.989	12.258.000	35.366.989	47.624.989	12.258.000	35.366.989	100,0%	100,0%	100,0%
45	Xã Ba Tô	15.000.000	11.500.000	3.500.000	0			0,0%	0,0%	0,0%
46	Xã Ba Đình	12.663.374	9.234.000	3.429.374	12.231.374	8.802.000	3.429.374	96,6%	95,3%	100,0%
47	Xã Ba Tơ	53.291.153	16.632.000	36.659.153	43.471.577	18.210.000	25.261.577	81,6%	109,5%	68,9%
48	Xã Ba Vinh	10.856.000	8.856.000	2.000.000	10.248.000	10.248.000		94,4%	115,7%	0,0%
49	Xã Ba Động	204.564.000	10.476.000	194.088.000				0,0%	0,0%	0,0%
50	Xã Đặng Thủy Trâm	13.810.000	8.570.000	5.240.000				0,0%	0,0%	0,0%
51	Xã Ba Xa	8.206.831	6.048.000	2.158.831	8.208.311	6.049.480	2.158.831	100,0%	100,0%	100,0%
52	Xã Đăk Long	15.714.338	5.714.338	10.000.000	5.714.338	5.714.338		36,4%	100,0%	0,0%
53	Xã Rờ Koi	8.802.000	8.802.000		8.956.000	8.956.000		101,7%	101,7%	0,0%
54	Xã Mô Rai	10.158.174	9.126.000	1.032.174	11.328.000	10.295.000	1.033.000	111,5%	112,8%	100,1%
55	Xã Ia Dal	17.170.000	1.944.000	15.226.000	17.170.000	1.944.000	15.226.000	100,0%	100,0%	100,0%

56	Xã Ia Chim	27.049.576	20.074.000	6.975.576	28.014.000	28.014.000		103,6%	139,6%	0,0%
57	Xã Đăk Rơ Wa	310.934.000	83.604.000	227.330.000	83.384.682	33.384.682	50.000.000	26,8%	39,9%	22,0%
58	Xã Đăk Pxi	15.785.200	14.785.200	1.000.000				0,0%	0,0%	0,0%
59	Xã Đăk Mar	101.028.000	21.438.000	79.590.000				0,0%	0,0%	0,0%
60	Xã Đăk Ui	13.838.000	13.338.000	500.000	8.532.000	8.532.000		61,7%	64,0%	0,0%

61	Xã Ngọc Réo	19.265.909	17.815.909	1.450.000	9.094.091	9.094.091		47,2%	51,0%	0,0%
62	Xã Đắk Hà	409.283.532	116.232.000	293.051.532	244.396.507	6.114.630	238.281.877	59,7%	5,3%	81,3%
63	Xã Ngọc Tụ	14.784.224	10.746.000	4.038.224				0,0%	0,0%	0,0%
64	Xã Đắk Tô	286.096.000	36.160.000	249.936.000	73.353.273	73.353.273		25,6%	202,9%	0,0%
65	Xã Kon Đào	45.908.591	33.480.000	12.428.591	25.564.000	25.564.000		55,7%	76,4%	0,0%
66	Xã Đắk Sao	7.478.000	2.538.000	4.940.000				0,0%	0,0%	0,0%
67	Xã Đắk Tô Kan	19.792.309	12.960.000	6.832.309				0,0%	0,0%	0,0%
68	Xã Tu Mơ Rông	20.698.000	18.198.000	2.500.000	17.332.000	17.332.000		83,7%	95,2%	0,0%
69	Xã Ngọc Bay	80.674.000	76.174.000	4.500.000	49.668.000	49.668.000		61,6%	65,2%	0,0%
70	Xã Bờ Y	438.939.706	51.000.000	387.939.706	60.363.334	59.363.334	1.000.000	13,8%	116,4%	0,3%
71	Xã Sa Loong	93.163.230	17.400.000	75.763.230	87.221.880	87.221.880		93,6%	501,3%	0,0%
72	Xã Dục Nông	42.829.000	18.822.000	24.007.000	8.147.751	8.147.751		19,0%	43,3%	0,0%
73	Xã Xốp	290.569.713	7.551.844	283.017.869				0,0%	0,0%	0,0%
74	Xã Ngọc Linh	8.964.000	8.964.000		6.959.000	6.959.000		77,6%	77,6%	0,0%
75	Xã Đắk Plô	25.490.000	24.990.000	500.000				0,0%	0,0%	0,0%
76	Xã Đắk Pék	151.321.690	64.936.000	86.385.690				0,0%	0,0%	0,0%
77	Xã Đắk Môn	33.444.183	14.236.000	19.208.183	13.172.728	13.172.728		39,4%	92,5%	0,0%
78	Xã Sa Thầy	292.942.926	28.965.000	263.977.926	37.822.000	31.596.000	6.226.000	12,9%	109,1%	2,4%
79	Xã Sa Bình	64.522.399	22.660.000	41.862.399	78.762.399	78.762.399		122,1%	347,6%	0,0%
80	Xã Ya Ly	15.284.000	15.284.000		14.794.000	14.794.000		96,8%	96,8%	0,0%
81	Xã Ia Toi	14.310.041	4.590.000	9.720.041	5.579.631	5.579.631		39,0%	121,6%	0,0%
82	Xã Măng Ri	186.017.000	40.252.000	145.765.000	15.660.000	15.660.000		8,4%	38,9%	0,0%
83	Xã Đắk Kôi	72.951.000	14.090.000	58.861.000				0,0%	0,0%	0,0%
84	Xã Kon Braih	127.790.906	25.686.906	102.104.000	27.597.588	18.993.588	8.604.000	21,6%	73,9%	8,4%
85	Xã Đắk Rve	26.958.790	15.248.000	11.710.790	0			0,0%	0,0%	0,0%
86	Xã Măng Đen	248.271.000	36.038.000	212.233.000	0			0,0%	0,0%	0,0%
87	Xã Măng Bút	126.319.000	16.974.000	109.345.000	17.495.000	16.995.000	500.000	13,8%	100,1%	0,5%
88	Xã Kon Plong	24.038.000	18.684.000	5.354.000	0			0,0%	0,0%	0,0%
89	Phường Trương Quang Trọng	178.527.500	101.840.000	76.687.500				0,0%	0,0%	0,0%
90	Phường Cẩm Thành	3.848.523.000	42.714.000	3.805.809.000	1.014.055.825	36.144.000	977.911.825	26,3%	84,6%	25,7%
91	Phường Nghĩa Lộ	4.628.383.000	414.226.000	4.214.157.000	1.412.570.000	44.675.000	1.367.895.000	30,5%	10,8%	32,5%
92	Phường Trà Câu	145.346.000	63.294.000	82.052.000	100.523.000	85.220.000	15.303.000	69,2%	134,6%	18,7%

93	Phường Đức Phổ	407.716.194	176.136.000	231.580.194	253.225.413	101.412.900	151.812.513	62,1%	57,6%	65,6%
94	Phường Sa Huỳnh	57.379.000	57.379.000		49.389.000	49.389.000		86,1%	86,1%	0,0%
95	Phường Kon Tum	5.468.647.000	135.122.000	5.333.525.000	142.833.333	142.833.333		2,6%	105,7%	0,0%
96	Phường Đắk Cấm	1.473.393.638	58.166.000	1.415.227.638	50.845.000	50.845.000		3,5%	87,4%	0,0%
97	Phường Đắk Bla	1.514.819.000	39.468.000	1.475.351.000	94.400.101	38.044.000	56.356.101	6,2%	96,4%	3,8%
98	Đặc khu Lý Sơn	35.000.000	28.000.000	7.000.000	27.079.000	27.079.000		77,4%	96,7%	0,0%
	Tổng cộng	33.498.282.704	4.789.466.219	28.708.816.484	8.987.973.038	3.627.853.655	5.360.119.383	26,83%	75,7%	18,7%

Phụ lục 2
BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THU QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2026

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu Kế hoạch thu Quỹ PCTT năm 2025 (theo QĐ số 1817/QĐ-UBND ngày 12/12/2025)	Tổng số tiền đơn vị, địa phương đã thu Quỹ PCTT năm 2025	Tỷ lệ thu đạt
1	Công an Tỉnh	250.000.000	254.340.000	101,7%
2	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	118.365.000	118.365.000	100,0%
3	Xã Tịnh Khê	213.556.000	156.786.111	73,4%
4	Xã An Phú	435.693.821	0	0,0%
5	Xã Nguyễn Nghiêm	28.893.376	0	0,0%
6	Xã Khánh Cường	110.401.000	0	0,0%
7	Xã Bình Minh	84.974.000	0	0,0%
8	Xã Bình Chương	46.205.378	18.861.111	40,8%
9	Xã Bình Sơn	1.985.970.308	0	0,0%
10	Xã Vạn Tường	1.843.806.000	0	0,0%
11	Xã Đông Sơn	249.827.000	0	0,0%
12	Xã Trường Giang	79.852.000	0	0,0%
13	Xã Ba Gia	97.189.637	0	0,0%
14	Xã Sơn Tịnh	184.072.000	41.666.667	22,6%
15	Xã Thọ Phong	3.801.402.500	0	0,0%
16	Xã Tư Nghĩa	450.264.056	0	0,0%
17	Xã Vệ Giang	87.001.000	0	0,0%
18	Xã Nghĩa Giang	194.437.000	0	0,0%
19	Xã Trà Giang	68.582.909	0	0,0%
20	Xã Nghĩa Hành	320.847.000	60.376.831	18,8%
21	Xã Đình Cương	57.401.745	0	0,0%
22	Xã Thiện Tín	50.192.738	0	0,0%
23	Xã Phước Giang	26.088.000	0	0,0%
24	Xã Long Phụng	236.286.000	0	0,0%
25	Xã Mỏ Cày	229.020.555	0	0,0%
26	Xã Mộ Đức	178.238.496	1.388.888.889	779,2%
27	Xã Lân Phong	167.724.115		0,0%
28	Xã Trà Bồng	113.977.389	0	0,0%
29	Xã Đông Trà Bồng	40.132.299	0	0,0%
30	Xã Tây Trà	8.370.000	0	0,0%
31	Xã Thanh Bồng	13.878.000		0,0%
32	Xã Cà Đam	6.967.000	0	0,0%
33	Xã Tây Trà Bồng	14.364.000		0,0%
34	Xã Sơn Hạ	89.684.130	0	0,0%
35	Xã Sơn Linh	67.915.000	0	0,0%
36	Xã Sơn Hà	95.657.500	24.683.333	25,8%
37	Xã Sơn Thủy	14.890.941	0	0,0%
38	Xã Sơn Kỳ	16.100.000	14.640.278	90,9%

39	Xã Sơn Tây	133.794.870	0	0,0%
40	Xã Sơn Tây Thượng	22.198.082	0	0,0%
41	Xã Sơn Tây Hạ	46.173.222	0	0,0%
42	Xã Minh Long	44.958.000	0	0,0%
43	Xã Sơn Mai	33.053.000	26.693.056	80,8%
44	Xã Ba Vì	45.975.107	0	0,0%
45	Xã Ba Tô	61.812.013	0	0,0%
46	Xã Ba Đình	15.008.008	12.823.004	85,4%
47	Xã Ba Tơ	60.578.075	0	0,0%
48	Xã Ba Vinh	13.421.000	0	0,0%
49	Xã Ba Động	83.418.021		0,0%
50	Xã Đặng Thuỳ Trâm	12.021.646		0,0%
51	Xã Ba Xa	6.147.200	0	0,0%
52	Xã Đắk Long	10.594.135		0,0%
53	Xã Rờ Koi	9.010.000	0	0,0%
54	Xã Mô Rai	9.435.751	0	0,0%
55	Xã Ia Dal	1.296.000	0	0,0%
56	Xã Ia Chim	63.981.769	0	0,0%
57	Xã Đắk Rơ Wa	202.343.383	0	0,0%
58	Xã Đắk Pxi	17.302.853		0,0%
59	Xã Đắk Mar	286.661.405		0,0%
60	Xã Đắk Ui	13.824.000	14.040.000	101,6%
61	Xã Ngọc Réo	18.335.909	0	0,0%
62	Xã Đắk Hà	165.500.000	0	0,0%
63	Xã Ngọc Tụ	17.729.669		0,0%
64	Xã Đắk Tô	317.726.501	0	0,0%
65	Xã Kon Đào	23.658.773	0	0,0%
66	Xã Đắk Sao	20.249.000		0,0%
67	Xã Đắk Tờ Kan	13.712.570		0,0%
68	Xã Tu Mơ Rông	22.642.000	3.132.000	13,8%
69	Xã Ngọc Bay	90.470.909	35.109.722	38,8%
70	Xã Bờ Y	255.091.925	0	0,0%
71	Xã Sa Loong	113.326.521	0	0,0%
72	Xã Dục Nông	42.487.468		0,0%
73	Xã Xốp	304.839.968		0,0%
74	Xã Ngọc Linh	8.586.000	0	0,0%
75	Xã Đắk Plô	52.143.125		0,0%
76	Xã Đắk Pék	103.596.648		0,0%
77	Xã Đắk Môn	28.135.319	0	0,0%
78	Xã Sa Thầy	270.351.500	0	0,0%
79	Xã Sa Bình	90.296.000	0	0,0%
80	Xã Ya Ly	15.091.818	0	0,0%
81	Xã Ia Toi	319.179.682	219.221.874	68,7%
82	Xã Măng Ri	147.726.950	0	0,0%
83	Xã Đắk Kôi	71.875.106		0,0%
84	Xã Kon Braih	144.748.009	0	0,0%
85	Xã Đắk Rve	22.980.170	0	0,0%
86	Xã Măng Đen	259.486.000	0	0,0%

87	Xã Măng Bút	24.394.000	0	0,0%
88	Xã Kon Plong	22.886.000	0	0,0%
89	Phường Trương Quang Trọng	638.883.661		0,0%
90	Phường Cẩm Thành	5.302.446.000	1.082.922.856	20,4%
91	Phường Nghĩa Lộ	4.746.498.000	1.540.000.000	32,4%
92	Phường Trà Câu	146.665.000	0	0,0%
93	Phường Đức Phổ	402.000.591	0	0,0%
94	Phường Sa Huỳnh	96.695.000	0	0,0%
95	Phường Kon Tum	589.288.000	65.537.386	11,1%
96	Phường Đắk Cấm	512.930.903	0	0,0%
97	Phường Đắk Bla	886.829.517	0	0,0%
98	Đặc khu Lý Sơn	46.355.000	0	0,0%
	Tổng cộng	29.627.074.647	5.078.088.117	17,14%